TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2025/HC-PT
Ngày: 08/4/2025
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Đăng, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Đặng Quốc Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 08/2025/TLPT-HC ngày 06/01/2025, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2024/HC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 688/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Thanh B, Chức vụ: Phó Chủ tịch (Giấy uỷ quyền số 04/GUQ-UBND ngày 03/6/2024, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ban Q; Địa chỉ trụ sở: Số I, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T, Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Thành N, Chức vụ: Phó Giám đốc (Thông báo uỷ quyền số 40/TB-BQL ngày 20/9/2024, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Phạm Văn L và ông Trần Phước A người đại diện theo ủy quyền của ông L trình bày:

Ông Lưu khởi K yêu cầu huỷ Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ ngày 23/11/2023 của Chủ tịch UBND huyện K về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Theo Quyết định buộc ông L phải tháo dỡ dây chì gai ra khỏi rừng là thiếu thực tế vì dây chì gai không gây hại tới đất rừng và cây rừng mà ngược lại có tác dụng bảo vệ rừng và cây trồng của ông Lưu T1 từ năm 2000 cho đến nay là không trái quy định của pháp luật.

Nội dung Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ trùng với Quyết định số 598/QĐ-KPHQ ngày 09/8/2022 và Quyết định số 615/QĐ-KPHQ ngày 16/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện K đã thu hồi, hủy bỏ.

Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ thiếu công bằng, minh bạch, tránh né cán bộ và người giàu chỉ xử phạt người nghèo như ông.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện K: Đã được Tòa án tống đạt tất cả các thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, người bị kiện không có văn bản ý kiến đối yêu cầu khởi kiện của ông L, nhưng có cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến quyết định bị kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Q trình bày: Phần diện tích rừng hộ ông L chiếm có tổng diện tích vi phạm là 107.000m^2, đều nằm trong diện tích đất rừng phòng hộ do Ban Q quản lý và bảo vệ theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh K về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q tại huyện K, tỉnh Kiên Giang. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Trần Phước A đại diện cho ông L trình bày: Diện tích rừng ông L và ông A dùng dây chì gai kéo làm hàng rào để bảo vệ rừng, chống người phá rừng, không gây hại gì cho rừng. Do đó, yêu cầu Toà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, hủy Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ và Quyết định số 1098/QĐ-SĐBS ngày 23/11/2024 của Chủ tịch Ủy UBND huyện K về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 1108/QĐ-KPHQ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Việc ông L cùng ông A dùng dây chì gai bao một phần đất rừng không gây hậu quả gì cho rừng, chỉ khi nào có hoả hoạn mới gây khó khăn cho việc chữa cháy. Do đó, yêu

cầu Chủ tịch UBND huyện K xem xét lại có cần áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo gỡ dây chì gai hay không.

Ông B là người đại diện của người bị kiện trình bày: Việc ông L và ông A dùng dây chì gai kéo làm hàng rào trong diện tích đất rừng được UBND tỉnh K giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q nhưng chưa có sự đồng ý của Ban Quản lý rừng là đã xâm phạm quyền quản lý của Ban Quản lý rừng, vi phạm Nghị định số 35/2029 ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Yêu cầu Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ban Q: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của người bị kiện. Yêu cầu Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L do ông A làm đại diện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2024/HC-ST ngày 05/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 38, 58, 65, 66 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2029 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ ngày 23/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1098/QĐ-SĐBS ngày 23/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 1108/QĐ-KPHQ ngày 23/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2024, ông L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Tất cả các đương sự đều vắng mặt nên không thể hiện ý kiến.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau: Tất cả các đương sự đều vắng mặt nên không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chủ toạ phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông L làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Diện tích đất mà ông L tiến hành làm hàng rào là một phần trong tổng diện tích hơn 1 triệu m^2 đất mà UBND tỉnh K đã cấp cho Ban Quản lý rừng tỉnh Q và Ban Q đã được cấp giấy chứng nhận. Việc ông L tiến hành rào diện tích đất này khi không có sự đồng ý của Ban Quản lý rừng là trái pháp luật. UBND huyện K ban hành Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ buộc ông L thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1098/QĐ-SĐBS sửa đổi, bổ sung Quyết định 1108/QĐ-KPHQ là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi của ông L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn L làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông L tham gia tố tụng với tư cách là người khởi kiện, Chủ tịch UBND huyện K tham gia tố tụng với tư cách là người bị kiện, Ban Quản lý rừng tỉnh Q tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên những người này có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND huyện K được ban hành ngày 23/11/2023, có nội dung buộc ông L thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 1098/QĐ-SĐBS của Chủ tịch UBND huyện K được ban hành ngày 23/11/2024, có nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ (sau đây viết tắt là Quyết định số 1108 và Quyết định 1098). Đây là các quyết định hành chính của UBND cấp huyện trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai. Ông L nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên vào ngày 26/12/2023. Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện, phù hợp với các quy định tại các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông L, nhận thấy:

[4.1] Đối với Quyết định số 1108:

[4.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1108, về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông L là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Điều 14, Điều 15 Nghị định 118/2021/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ông L đã có hành vi dùng dây kẽm gai (từ địa phương gọi là dây chì) làm hàng rào bao quanh diện tích 107.000m^2 đất rừng từ điểm số 01 (tọa độ X-483917, Y-1071399) đến điểm số 26 (tọa độ X, Y) dọc theo hàng rào có trồng một số cây tràm bông vàng còn nhỏ, chiều cao từ 20cm-50cm. Diện tích đất này thuộc rừng phòng hộ do Ban Q quản lý. Hành vi vi phạm của ông L đã được Tổ kiểm tra - Hạt Kiểm lâm huyện K lập Biên bản vào lúc 14 giờ 20 phút, ngày 21/10/2020. Quyết định số 1108 được ban hành trên cơ sở biên bản vi phạm này là đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp với quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 25 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2029 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

[4.1.2] Về nguồn gốc diện tích 107.000m^2:

Căn cứ vào Sơ đồ vị trí kèm theo Biên bản vi phạm hành chính ngày 21/10/2020 thì có căn cứ để xác định diện tích đất 107.000m^2 mà ông L đã rào nằm trong diện tích 1.088.998,6m^2 đất rừng phòng hộ, thuộc tờ bản đồ số 01 tại xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang được UBND tỉnh K cấp cho Ban Q theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 16/6/2021. Việc ông L tự ý dùng dây kẽm gai làm hàng rào và trồng cây tràm bông vàng trên diện tích đất này khi chưa có sự đồng ý của Ban Q là hành vi chiếm rừng.

Do đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1108 ngày 23/11/2023 có nội dung buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định, phù hợp với quy định tại Điều 28, khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính và khoản 8 Điều 7 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2029 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

[4.2] Đối với Quyết định số 1098: Nhận thấy, Quyết định 1108 có nội dung *"Buộc ông Trần Phước A và ông Phạm Văn L trả lại diện tích đất đã chiếm cho Ban Q"* là chưa chính xác nên Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1098 có nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định 1108 nên trên là còn thời hạn sửa đổi, bổ sung, đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 14, 15

Nghị định 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Lưu K1 xuất trình được chứng cứ nào mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông L là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông L phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2024/HC-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các khoản 2, 3 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 28, khoản 2 Điều 38, Điều 58, khoản 2 Điều 65, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 7, Điều 25, khoản 2 Điều 27 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15 Nghị định 118/2021/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L, về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau đây:

- Quyết định số 1108/QĐ-KPHQ ngày 23/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả;

- Quyết định số 1098/QĐ-SĐBS ngày 23/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 1108/QĐ-KPHQ ngày 23/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Văn L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn), được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 6456 ngày 18/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Ông L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án hành chính có hiệu lực pháp luật được thi hành theo các quy định tại Chương XIX Luật tố tụng hành chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa